

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP - PTNT

Số: 1218/SNNPTNT-VP
V/v chấn chỉnh việc thực hiện
xử lý văn bản trên phần mềm
QLVB và HSCV.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở.

Căn cứ Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 23/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Qua báo cáo tình hình thực hiện việc gửi, nhận văn bản điện tử trên Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc 6 tháng đầu năm 2022 (đính kèm phụ lục báo cáo), tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử của Sở và các đơn vị trực thuộc đạt 89,79%, thiếu 0,21% so với chỉ tiêu theo Kế hoạch của UBND tỉnh (90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh). Nguyên nhân là có 07/13 đơn vị trực thuộc Sở có tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử dưới 90%.

Nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu theo Kế hoạch số 38/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, ứng dụng công nghệ thông tin để tăng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan đơn vị, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tiếp tục chỉ đạo việc thực hiện xử lý văn bản trên phần mềm QLVB và HSCV. Đối với các đơn vị có tỷ lệ gửi nhận văn điện tử dưới 90%, đề nghị Thủ trưởng đơn vị kịp thời đôn đốc chấn chỉnh việc thực hiện xử lý văn bản trên phần mềm QLVB và HSCV của đơn vị.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, liên hệ Văn phòng Sở (đ/c Ngân, số điện thoại 02973.812445, 0943128149) để được hỗ trợ. /Tul

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở;
- LĐVP Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, ttangan.



Quảng Trọng Thảo

**SỐ LƯỢNG VĂN BẢN GỬI, NHẬN ĐIỆN TỬ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ**

**Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2022
(Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)**

STT	Đơn vị	Số lượng văn bản gửi				Số lượng văn bản nhận					
		Tổng số	Văn bản giấy	Văn bản điện tử không kèm văn bản giấy	Văn bản điện tử kèm văn bản giấy	Tỷ lệ %	Tổng số	Văn bản giấy	Văn bản điện tử không kèm văn bản giấy	Văn bản điện tử kèm văn bản giấy	Tỷ lệ %
		(1)=(2)+(3)+(4)	(2)	(3)	(4)		(5)=(6)+(7)+(8)	(6)	(7)	(8)	
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	2374	0	1809	565	100,00	7809	0	6292	1517	100,00
2	Chi cục Quản lý chất lượng NLTS	337	0	213	124	100,00	825	0	796	29	100,00
3	Chi cục Thủy lợi	183	47	106	30	74,32	1080	19	1026	35	98,24
4	Chi cục Thủy sản	422	143	220	59	66,11	2057	71	1938	48	96,55
5	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	578	12	532	34	97,92	1051	25	1026	0	97,62
6	Chi cục Trồng trọt và BVTV	205	45	130	30	78,05	772	50	690	32	93,52
7	Chi cục Kiểm lâm	431	0	280	151	100,00	1403	0	1052	351	100,00
8	Chi cục Phát triển nông thôn	227	58	169	0	74,45	963	0	950	13	100,00
9	Trung tâm Giống NLNN	269	232	6	31	13,75	414	23	336	55	94,44
10	Trung tâm Khuyến nông	378	0	312	66	100,00	936	0	901	35	100,00
11	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	677	56	285	336	91,73	828	49	695	84	94,08
12	Ban quản lý cảng cá Kiên Giang	118	39	74	5	66,95	924	8	911	5	99,13
13	Ban quản lý rừng Kiên Giang	247	0	62	185	100,00	686	75	576	35	89,07
14	Chi cục Kiểm ngư	31	29	2	0	6,45	374	3	371	0	99,20
Tổng cộng		6477	661	4200	1616	89,79	20122	323	17560	2239	98,39